

Bản án số: 23/2020/KDTM-ST

Ngày: 23 – 4 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Mẫn

2. Bà Cao Kim Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lê Thủy- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2020/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1002/2020/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P

Địa chỉ: Số 18 đường B, khu phố S, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Anh D, sinh năm 1992 là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2019). (Ông D có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/4/2020).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng C.

Trụ sở: Số 146 đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Châu Anh T, sinh năm 1978 là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Trần Anh D là người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/02/2015 Công ty TNHH Xây dựng Thương mại P (sau đây gọi tắt là Công ty P) và Công ty Cổ phần Xây dựng C (sau đây gọi tắt là Công ty C) có ký Hợp đồng nguyên tắc số 0159 với nội dung Công ty P nhận cung cấp hàng hóa là xi măng, gạch các loại cho Công ty C chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ Công ty C nhận hàng và nhận đủ hồ sơ thanh toán. Thanh toán cho Công ty P 100% trị giá số hàng đã nhận. Thực hiện hợp đồng, Công ty P đã bán cho Công ty C số hàng hóa theo thỏa thuận. Công ty P cũng xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty C.

Ngày 07/3/2017 hai bên làm biên bản đối chiếu công nợ đối với hợp đồng nguyên tắc nêu trên. Theo đó, Công ty C đã mua của Công ty P số hàng hóa tổng cộng 2.531.940.500 đồng. Công ty C đã thanh toán được 2.245.225.000 đồng, còn nợ Công ty P 286.715.500 đồng. Công ty P đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ gửi Công ty C. Vào các ngày 13/4/2017 và 23/10/2017 Công ty C có văn bản gửi Công ty P có nội dung xin được thanh toán mỗi tháng 40.000.000 đồng và đề nghị Công ty P tiếp tục giao hàng cho Công ty C.

Để giữ mối quan hệ kinh doanh, Công ty P tiếp tục bán hàng và đã xuất hóa đơn với giá trị 99.012.800 đồng cho Công ty C. Tuy nhiên đến nay Công ty C vẫn chưa thanh toán, mặc dù Công ty P đã nhiều lần có văn bản và trao đổi điện thoại nhắc nợ.

Theo điều 3.4.1 của hợp đồng nguyên tắc 0159, hai bên đã thỏa thuận trường hợp Công ty C chậm thực hiện việc thanh toán thì phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước. Ngày 31/5/2019, Công ty P đã gửi thông báo yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi cho Công ty C nhưng Công ty C không phản hồi cho Công ty P.

Tính đến ngày 23/4/2020, Công ty C còn nợ Công ty P tổng cộng là 490.246.720 trong đó nợ gốc là 365.304.300 đồng, tiền lãi là 124.942.420 đồng.

Nhận thấy Công ty C không có thiện chí trả nợ gây ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty P nên Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng C phải trả tổng số tiền là 490.246.720 đồng trong đó nợ gốc là 365.304.300 đồng, tiền lãi là 124.942.420 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Công ty C và người đại diện theo pháp luật của Công ty đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để có ý kiến hoặc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của Công ty P và nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty Công ty C cũng như người đại diện theo pháp luật của Công ty đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 20/4/2020 gửi đến Tòa án với nội dung yêu cầu cụ thể: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn

Công ty C có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 365.304.300 đồng và tiền lãi 124.942.420 đồng, tổng cộng là 490.246.720 đồng. Thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn Công ty Công ty C và người đại diện của bị đơn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán công nợ gốc còn thiếu và lãi suất do chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về pháp luật tố tụng:*

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty Cổ phần Xây dựng C về yêu cầu thanh toán tiền nợ còn thiếu theo các hợp đồng hai bên đã ký kết. Bị đơn là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam, có địa chỉ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm thụ lý theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P ủy quyền tham gia tố tụng cho Ông Trần Anh D trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn

đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ nên chấp nhận.

Bị đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P và bị đơn Công ty Cổ phần Xây dựng C ký các hợp đồng nguyên tắc số DCC-NCC-CON-0159 ngày 01/02/2015 và hợp đồng mua bán số 122-17/DCC-NCC-CON tháng 10/2017, các bản hợp đồng này có hình thức, nội dung không trái pháp luật nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 365.304.300 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như Hợp đồng nguyên tắc số hợp đồng nguyên tắc số DCC-NCC-CON-0159 ngày 01/02/2015; hợp đồng mua bán số 122-17/DCC-NCC-CON tháng 10/2017; các hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/8/2015; 31/8/2015; 05/10/2015; 24/8/2015; 08/9/2015; 28/9/2015; 23/10/2015; 30/10/2017 có cơ sở khẳng định: Ngày 01/02/2015, Công ty P có ký hợp đồng nguyên tắc số DCC-NCC-CON-0159 và tháng 10/2017 có ký hợp đồng mua bán số 122-17/DCC-NCC-CON về việc mua bán các Sản phẩm xi măng, gạch tuynel các loại cho Công ty C. Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn Công ty P đã cung cấp đầy đủ hàng hóa theo nội dung các hợp đồng đã ký kết nhưng bị đơn Công ty C đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa theo nội dung các hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày ngày 07/3/2017; văn bản số 34-17/DC-CV ngày 13/4/2017; văn bản số 206-17/CV-DC ngày 23/10/2017, Công ty P và Công ty C cùng nhau xác nhận số nợ mà bị đơn còn thiếu là 286.715.500 đồng và trong tháng 10/2017, hai bên tiếp tục ký hợp đồng mua bán số 122-17/DCC-NCC-CON, Công ty C còn nợ Công ty P số tiền 99.012.800 đồng (hóa đơn số 0001964 ngày 30/10/2017). Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xác nhận ngày 29/8/2015 và ngày 22/12/2017, bị đơn Công ty C đã thanh toán cho Công ty P số tiền 22.808.500 đồng, sau đó Công ty C không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Xét thấy, mặc dù Công ty P đã gửi đối chiếu công nợ và công văn yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu nhưng Công ty C vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu. Đồng thời tại Văn bản số 34-17/DC-CV ngày 13/4/2017; văn bản số 206-17/CV-DC ngày 23/10/2017, Công ty C xác nhận số tiền còn nợ Công ty P và phương án thanh toán hết khoản nợ nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Như vậy, đủ căn cứ xác định Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều III của Hợp đồng nguyên tắc số DCC-NCC-CON-0159 ngày 01/02/2015. Xét yêu cầu của Công ty P yêu cầu Công ty C phải có trách nhiệm thanh toán 365.304.300 đồng tiền nợ còn thiếu là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

- Về yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Công ty P yêu cầu Công ty C trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm tương đương 0.75%/tháng, 0.025%/ngày trên số tiền nợ gốc 365.304.300 đồng theo các hóa đơn 0000968 (30.341.5000 đồng) từ ngày 13/10/2015 đến ngày 21/12/2017; hóa đơn 0000968 (21.291.500 đồng) từ ngày 22/12/2017; hóa đơn 0000973 (7.250.000 đồng) từ ngày 15/10/2015; hóa đơn 0001032 (7.350.000 đồng) từ ngày 19/11/2015; hóa đơn 0000949 (50.400.000 đồng) từ ngày 08/10/2015; hóa đơn 0000980 (76.500.000 đồng) từ ngày 23/10/2015; hóa đơn 0001017 (88.200.000 đồng) từ ngày 12/11/2015; hóa đơn 0001064 (15.300.000) từ ngày 07/12/2015; hóa đơn 0001964 (99.012.800 đồng) từ ngày 09/12/2017 đến ngày 23/4/2020 với tổng số tiền là 124.942.420 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định của Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Xét mức lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm xét xử Tòa án thu thập được của 03 ngân hàng là Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam thì mức lãi suất nợ quá hạn là: 16,65%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam thì mức lãi suất nợ quá hạn là: 16,65%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là: 15,75%/năm; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam là: 15%/năm. Như vậy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 15,8%/năm (tương đương 1.32%/tháng). Do đó yêu cầu của Công ty P về khoản tiền lãi phát sinh do chậm nghĩa vụ thanh toán áp dụng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước là 9%/năm tương đương với 0.75%/tháng, thấp hơn mức lãi suất quá hạn liên Ngân hàng nêu trên. Xét yêu cầu tiền lãi trên của Công ty P là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 nên có cơ sở chấp nhận số tiền lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 124.942.420 đồng.

[4] *Về thời hạn thanh toán:* Công ty P yêu cầu thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét Công ty C đã có văn bản xác nhận công nợ và kế hoạch thanh toán nợ nhưng không thực hiện. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho Công ty P, Hội đồng xét xử buộc Công ty C thanh toán ngay một lần tiền gốc và tiền lãi theo đề nghị của Công ty P là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 24, 50, 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

Luật án phí, lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P.

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P số tiền 490.246.720 đồng (trong đó số tiền gốc là 365.304.300 đồng và số tiền lãi là 124.942.420 đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 23.609.869 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng thương mại P số tiền 13.678.316 đồng theo biên

lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/0007939 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh